

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu (226051) - Nhóm 01
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 26/08/2022
Phòng thi: D7-40

Tổ: 001
Giờ: 09:45

Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 26

Mã nhận dạng: 000531

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200036	BÙI THỊ NHƯ	01/01/2002	CCQ2020B		011	Bình	7,1	6,9	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120200140	LƯU KIM	28/06/2002	CCQ2020E		012	Chau B	6,4	4,2	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120200003	ĐỖ THỊ THANH	25/02/2000	CCQ2020A		013	Qua	6,2	5,4	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120200178	NGUYỄN THỊ MỸ	10/05/2002	CCQ2020F		014	Nguy	6,3	5,4	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120200037	TRẦN NGỌC KIỀU	29/10/2002	CCQ2020B		011	Nguy	5,2	5,7	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2118200278	NGUYỄN TRUNG	13/12/1998	CCQ1820D		012	Pha	5,8	4,5	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120200074	ĐINH NGUYỄN NHẬT	10/04/2002	CCQ2020C		013	Pha	5,3	3,6	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120200212	HUYỀN VÕ MỸ	21/09/2001	CCQ2020G		014	Pha	5,4	3,6	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120200109	NGUYỄN THỊ	20/11/2002	CCQ2020D		011	Pha	7,2	7,8	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120200075	VÕ THỊ NGỌC	22/05/2001	CCQ2020C		012	Pha	6,3	4,8	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120200145	NGUYỄN THANH	23/02/2002	CCQ2020E		013	Pha	6,7	5,1	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120200110	NGUYỄN THỊ MỸ	18/03/2002	CCQ2020D		014	Pha	5,6	9,6	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120200181	NGUYỄN HỮU	21/07/2002	CCQ2020F		011	Pha	7,3	4,2	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120240104	NGUYỄN THỊ MỸ	31/10/2002	CCQ2020I		012	Pha	2,8	5,1	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120200281	NGUYỄN BÁ	12/06/2002	CCQ2020A		013	Pha	5,9	3,4	3,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120200113	NGUYỄN TRÚC	02/04/2002	CCQ2020D		014	Pha	6,4	4,8	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120200114	TRẦN NGỌC	20/08/2002	CCQ2020D		011	Pha	7	4,5	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	120200045	BÙI THỊ KIỀU	27/06/2002	CCQ2020B		012	Pha	6,2	4,8	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	120200153	BÙI LÊ KIỀU	13/07/2002	CCQ2020E		013	Pha	6,1	6	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	20200116	NGUYỄN THỊ DIỄM	08/08/2002	CCQ2020D		014	Pha	6	5,1	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Ký hiệu có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu (226051) - Nhóm 01**
Đợt thi: **HK3 2021-2022**
Ngày thi: **26/08/2022**
Phòng thi: **D7-40**

Tổ: **001**
Giờ: **09:45**

Số SV có mặt: **26**
Số bài thi: **16**
Số tờ giấy thi: **26**

Mã nhận dạng: 000531

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120200117	TRẦN THỊ THẢO	27/05/2002	CCQ2020D		011		5,8	3	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120200119	ĐÀO THỊ HỒNG	25/03/2002	CCQ2020D		012		6,9	6,3	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120200157	NGUYỄN THỊ THANH	17/08/2002	CCQ2020E		013		6,8	3,3	4,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120200120	NGUYỄN TRẦN LÊ	21/10/2002	CCQ2020D		014		6,8	4,2	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120200122	PHẠM ĐÀO YẾN	24/09/2002	CCQ2020D		011		7,1	6	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120200123	PHẠM YẾN	28/04/2002	CCQ2020D		012		6,9	3,9	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu (226051) - Nhóm 01**
Đợt thi: **HK3 2021-2022**
Ngày thi: **26/08/2022**
Phòng thi: **D7-39**

Tổ: **002**
Giờ: **09:45**

C.Thủ

Số SV có mặt: **25**
Số bài thi: **25**
Số tờ giấy thi: **25**

Mã nhận dạng: 000532

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
Ngữ Văn Khẩu	Nguyễn Thị Ngọc Bình		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Ph	Số tờ mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200158	LÊ THỊ NHỎ	13/10/2002	CCQ2020E		013		6,5	4,2	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120200194	ĐÌNH THỊ KIỀU	17/09/2002	CCQ2020F		014		6,8	1,8	3,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120200018	TRẦN THANH PHONG	28/02/2001	CCQ2020A		011		6	3,3	4,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120200160	HÀ THỊ LIÊN	12/11/2002	CCQ2020E		012		7,1	5,3	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120200195	PHAN ĐẠT	26/08/2002	CCQ2020F		013		5,3	5,3	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120200052	NGUYỄN THỊ HÀ	09/02/2002	CCQ2020B		014		5,6	3,6	4,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120200085	NGUYỄN THỊ NGỌC	04/01/2002	CCQ2020C		011		6	4	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120200268	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	22/05/2002	CCQ2020H		012		7,3	6	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120200125	THIỀU THỊ MỸ PHƯƠNG	05/02/2002	CCQ2020D		013		6	3,1	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120200021	TRƯƠNG THỊ TRÚC	08/03/2002	CCQ2020A		014		5,2	4,4	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120200088	ĐẶNG KIM THANH	21/02/2002	CCQ2020C		011		6,1	4,7	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2117200144	ĐẶNG THỊ BÍCH THẢO	26/05/1999	CCQ1720B				0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120200058	VÕ THỊ HOÀI THƯƠNG	02/11/2001	CCQ2020B		013		6,2	5,1	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120200092	TRƯƠNG THỊ TRANG	11/11/2002	CCQ2020C		014		6	3,8	4,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120200291	NGUYỄN NHẬT TRUNG	13/09/2001	CCQ2020F		011		6	4,4	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120200292	NGUYỄN QUỐC TRUNG	30/09/2002	CCQ2020F		012		7,7	6	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120200033	NGUYỄN THỊ THANH TÚ	05/02/2002	CCQ2020A		013		5,4	3,1	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120200041	TRẦN THỊ CẨM TÚ	30/06/2002	CCQ2020G		014		8,1	4,2	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120200096	HUYỀN THỊ NGỌC TUYẾT	11/01/2002	CCQ2020C		011		6	6,7	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120200095	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	30/04/2002	CCQ2020C		012		6	5,6	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu (226051) - Nhóm 01

Đợt thi: HK3 2021-2022

Tổ: 002

Ngày thi: 26/08/2022

Giờ: 09:45

Phòng thi: D7-39

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

Mã nhận dạng: 000532

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120200034	NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	25/01/2002	CCQ2020A		013		6,8	5,3	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120200204	NGUYỄN THỊ KIỀU VI	17/09/2001	CCQ2020F		014	Vi	6,5	3,1	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120200066	PHẠM THỊ TƯỜNG VI	04/11/2002	CCQ2020B		011	Vi	6,4	4,9	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120200098	HỒ THỊ THÚY VIỆT	05/10/2002	CCQ2020C		012		6,3	3,8	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	2119200103	LÊ XUÂN VŨ	26/03/2001	CCQ1920C		013		7,4	4,7	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120200137	PHAN THỊ LÊ XUÂN	07/02/2002	CCQ2020D		014	Xuân	5,7	4,9	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Marketing quốc tế (226083) - Nhóm 02
Đợt thi: HK3 2021-2022
Ngày thi: 26/08/2022
Phòng thi: D6-36

Tổ: 002
Giờ: 07:30

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 39

Mã nhận dạng: 000551

Cán bộ coi thi 1 <i>Phạm Thị Thanh</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Ngọc Linh</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Thị Thanh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Thị Ngọc Linh</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. TN 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200304	NGUYỄN THỊ BÍCH	18/01/2002	CCQ2020I			<i>Lu</i>	8,5	6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120200150	TRẦN HOÀI LINH	28/12/2002	CCQ2020E			<i>Lu</i>	7,4	5,25	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120200305	NGUYỄN THẠNH LUÂN	02/08/1998	CCQ2020I			<i>Lu</i>	0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120200307	LÊ THỊ MAI LY	20/04/2002	CCQ2020I			<i>Lu</i>	7,8	4,5	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120200151	TRẦN THỊ BÍCH LY	28/03/2002	CCQ2020E			<i>Lu</i>	5,9	4,5	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120200189	CHẾ THỊ HÒA MAY	04/09/2002	CCQ2020F			<i>Lu</i>	6,7	5	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120200153	BÙI LÊ KIỂU MY	13/07/2002	CCQ2020E			<i>Lu</i>	7,7	5,25	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120260014	HOÀNG THỊ LÊ NA	21/01/2002	CCQ2020G			<i>Lu</i>	6,8	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120200157	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	17/08/2002	CCQ2020E			<i>Lu</i>	6,8	6	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120200355	BÙI THỊ NHẢ	17/04/2002	CCQ2020I			<i>Lu</i>	6,5	7,75	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120200192	NGUYỄN NGỌC LINH NHI	20/11/2002	CCQ2020F			<i>Lu</i>	7,1	6,5	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120200158	LÊ THỊ NHỎ	13/10/2002	CCQ2020E			<i>Lu</i>	7,2	4,75	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120120166	ĐOÀN THỊ KIỂU NHUNG	15/05/2002	CCQ2020I			<i>Lu</i>	7	4,5	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120200159	HUYỀN HỒNG NHUNG	20/11/2002	CCQ2020E			<i>Lu</i>	6,7	7,5	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120200357	PHAN ĐÌNH PHÚ	15/04/2002	CCQ2020I			<i>Lu</i>	7,5	5,75	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120200161	LÊ THỊ THANH PHƯƠNG	06/09/2002	CCQ2020E			<i>Lu</i>	6,5	6,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120030055	TRẦN DUY PHƯƠNG	23/06/2001	CCQ2020I			<i>Lu</i>	7	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120200269	ĐƯƠNG CAO NGÂN QUYN	02/09/2002	CCQ2020H			<i>Lu</i>	5,7	9,25	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120200358	PHẠM THỊ THANH TÀI	20/08/2002	CCQ2020I			<i>Lu</i>	6,8	6,25	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120200199	NGUYỄN THỊ Ý THI	22/04/2002	CCQ2020F			<i>Lu</i>	7,4	6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000551

Trang : 2/2

Môn học: **Marketing quốc tế (226083) - Nhóm 02**
Đợt thi: **HK3 2021-2022**
Ngày thi: **26/08/2022**
Phòng thi: **D6-36**

Tổ: **002**
Giờ: **07:30**

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1 <u>Phạm Văn</u>	Cán bộ coi thi 2 <u>Nguyễn Thanh</u>	G.Viên chấm thi 1 <u>Nguyễn Thị Ngọc Bình</u>	G.Viên chấm thi 2 <u>Nguyễn Thị Ngọc Bình</u>
-------------------------------------	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. TH 60%	Điểm HP	Tổ điểm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ điểm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120200026	PHẠM THỊ BẢO	27/03/2002	CCQ2020A			<u>Phạm</u>	6,4	7,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120200361	TRẦN GIA	22/10/2002	CCQ2020J			<u>Trần</u>	7,2	4,75	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120100230	LÊ THỊ MINH	19/01/2002	CCQ2020I			<u>Minh</u>	7,7	5,25	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120200314	MAI NGUYỄN ANH	03/06/2002	CCQ2020I			<u>Mai</u>	7,5	7,25	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120170135	TRƯƠNG THANH	11/09/2002	CCQ2020I			<u>Trương</u>	7	5,5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120200316	NGUYỄN THỊ NGỌC	18/12/2002	CCQ2020I			<u>Nguyễn</u>	8,1	6	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120200202	NGUYỄN QUỐC	08/10/1999	CCQ2020F			<u>Quốc</u>	7	5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120200291	NGUYỄN NHẬT	13/09/2001	CCQ2020F			<u>Nhật</u>	7,2	4,5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2120200292	NGUYỄN QUỐC	30/09/2002	CCQ2020F			<u>Quốc</u>	7,7	6,5	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2120200203	NGUYỄN THÁI	04/06/2002	CCQ2020F			<u>Thái</u>	7,8	5,5	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2120260070	TRẦN TIẾN	10/01/2001	CCQ2020I			<u>Tiến</u>	8	7,5	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2121200062	TRẦN THỊ KIM	16/09/1998	CCQ2120B			<u>Kim</u>	7,8	7,25	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2120200318	TRẦN THỊ HOÀNG	05/09/2002	CCQ2020I			<u>Hoàng</u>	7,6	5,75	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Marketing quốc tế (226083) - Nhóm 02

Đợt thi: HK3 2021-2022

Ngày thi: 26/08/2022

Phòng thi: D6-35

C. Thu

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Mã nhận dạng: 000550

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm lẻ
1	2120200319	NGUYỄN THỊ KIM	26/06/2002	CCQ2020J		1		7	15	3,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	2120200138	NGUYỄN THỊ MAI	16/02/2002	CCQ2020E		1		5,7	4,75	5,13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	2120200289	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	11/01/2002	CCQ2020E		1		5,7	4	4,18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	2120200139	NGUYỄN DUY	07/01/2001	CCQ2020E		1		6,5	4,75	5,45	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	2120200212	NGUYỄN THÁI	23/04/2002	CCQ2020J		1		7,9	6,75	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	2120200296	VĂN THỊ CẨM	27/11/2001	CCQ2020I		1		9,5	6,75	7,85	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	2120200338	HOÀNG THỊ MINH	14/04/2002	CCQ2020J		1		7,3	6,5	6,82	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	2120200140	LƯU KIM	28/06/2002	CCQ2020E		1		5,8	6,25	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	2120110109	NGUYỄN THỊ THU	21/08/2002	CCQ2020J		1		5,9	6,5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	2120200105	LÊ VĂN	28/11/2002	CCQ2020D		1		6,5	5,5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	2120150003	NGÔ CHÍ	08/02/2002	CCQ2020I		1		6,5	2,75	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	2120200176	NGUYỄN THỊ NGỌC	28/09/2002	CCQ2020F		1		6,3	4	4,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	2120200298	ĐẶNG THỊ MỸ	04/01/2002	CCQ2020I		1		8	7	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	2120200341	LÊ THỊ PHƯƠNG	08/08/2002	CCQ2020J		1		7,3	4,5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	2120200342	VÕ THỊ THÙY	19/06/2002	CCQ2020J		1		7	8	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	2120240095	NGUYỄN THÀNH	28/03/2002	CCQ2020J		1		8,2	5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	2120200300	NGUYỄN THANH	08/03/2001	CCQ2020I		1		7	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	2120200343	NGUYỄN DUY	21/05/2002	CCQ2020J		1		7,8	6	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	2120110114	NGUYỄN THỊ THU	21/08/2002	CCQ2020J		1		6,7	6	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	2120260112	BUI GIA	07/01/2002	CCQ2020I		1		7,4	5	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

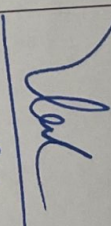
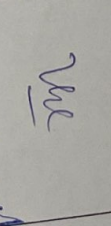
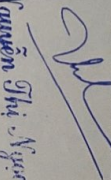
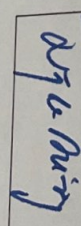
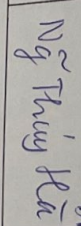
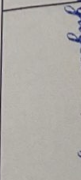
Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

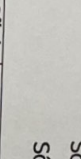
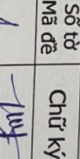
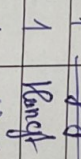
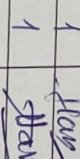
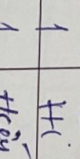
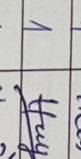
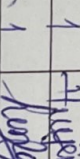
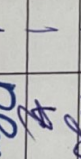
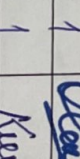
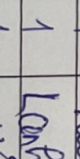
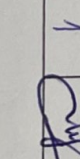
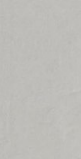
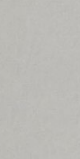
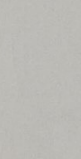
Môn học: **Marketing quốc tế (226083) - Nhóm 02**
Đợt thi: **HK3 2021-2022**
Ngày thi: **26/08/2022**
Phòng thi: **D6-35**

Tổ: **001**
Giờ: **07:30**

Số SV có mặt: **34**
Số bài thi: **34**
Số tờ giấy thi: **34**

Mã nhận dạng: 000550

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G. Viên chấm thi 1 
		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phái	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm lẻ
21	2120200346	NGUYỄN THỊ THU	29/04/2002	CCQ2020J		1		8,1	6,25	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
22	2120240099	PHẠM THỊ	13/01/2002	CCQ2020I		1		6,8	5	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
23	2120200347	NGÔ NGỌC	04/12/2002	CCQ2020J		1		8,6	3,25	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
24	2120200302	NGUYỄN THỊ NGỌC	18/12/2002	CCQ2020I		1		7,3	5,25	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
25	2120030044	TRƯƠNG THÀNH	20/03/2002	CCQ2020I		1		6,5	4	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
26	2120200181	NGUYỄN HỮU	21/07/2002	CCQ2020F		1		6,5	6,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
27	2120120078	PHẠM GIA	30/05/2002	CCQ2020J		1		5,9	4	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
28	2120200349	PHẠM THỊ MỸ	23/02/2002	CCQ2020J		1		7,2	4	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
29	2119200115	NGUYỄN HỮU	27/02/2001	CCQ1920D		1		7	2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
30	2120200185	TRẦN VĂN	20/03/2002	CCQ2020F		1		6,8	3,5	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
31	2120170536	TRẦN THANH	09/11/2002	CCQ2020J		1		7,7	7	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
32	2120200148	PHẠM THỊ THÚY	18/01/2002	CCQ2020E		1		5,7	6,75	6,13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
33	2120200350	TRẦN THỊ HỒNG	03/03/2002	CCQ2020J		1		7,2	6	6,15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)
34	2120240104	NGUYỄN THỊ MỸ	31/10/2002	CCQ2020J		1		6,8	3,5	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2)